

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HS-PT
Ngày 15 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Ông Hồ Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Hà và bà Trương Thuận Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 tại: Thành phố N, tỉnh Bắc Ninh; Tên gọi khác: Thuận; Nơi đăng ký thường trú: Khu X, phường K, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 03/9/2020; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 14/8/2020 đến ngày 20/8/2020 chuyển tạm giam, đến ngày 09/11/2020 được cho tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. **Đỗ Tiến S** - Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Tổ Dân phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2. Voòng Thanh H - Sinh năm: 1982; nơi cư trú: Khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

3. Bùi Quang Đ - Sinh năm: 1997; nơi cư trú: Khu X, phường H, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

4. Nguyễn Hồng S - Sinh năm: 2000; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Phạm Tiên Q - Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 62 Nguyễn Gia Thiều, phường S, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra còn có 156 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn M sau khi nghỉ hưu, nghe người quen nói mô hình cho vay tiền bằng hình thức đứng ra đăng ký Công ty hoạt động kinh doanh loại hình mua bán, cho thuê lại xe các loại, nhằm hợp thức hóa hoạt động cho vay thu được nhiều lợi nhuận nên đã nảy sinh ý định thực hiện. Tháng 10/2017, bị cáo Nguyễn Văn M thuê bị cáo Đỗ Tiến S đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang làm tất cả các thủ tục đăng ký kinh doanh và được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đầu tư Đ lần đầu, số 6300292643 ngày 03/10/2017, thuê nhà đặt trụ sở tại số 56K, đường Lê Lợi, Khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang, sau này chuyển qua thuê nhà tại địa chỉ số 56N, đường Lê Lợi, Khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang. Khi đó, các bị cáo Nguyễn Văn M, Đỗ Tiến S thực hiện việc in các tờ giấy hình chữ nhật, giống như card visit mặt trước có nội dung “CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG ĐTLH: 02936.517.417 – 0964.317.417 ĐC: 56K Lê Lợi, P. B. Thị xã. B, T. Hậu Giang CHO VAY XE CHÍNH CHỦ (Chỉ giữ lại giấy đăng ký xe, khách hàng vẫn có xe sử dụng) CHO VAY 80% GIÁ TRỊ XE Thủ tục nhanh chóng, lãi suất thấp”, mặt sau in bản đồ chỉ đường công ty Đ. Sau đó cho nhân viên thực hiện phát tờ rơi tại những nơi thường tập trung nhiều người dân, để lôi kéo người dân có nhu cầu vay sẽ liên hệ với các bị cáo để được tư vấn vay vốn.

- Về phương thức hoạt động cho vay như sau:

+ Người vay tiền thông qua số điện thoại từ tờ card của Công ty, qua bạn bè, người thân giới thiệu biết Công ty có cho vay tiền nên trực tiếp đến tại địa chỉ hoặc điện thoại gặp các bị cáo, người phụ giúp hoạt động cho vay để nói chuyện, hẹn đến Công ty tư vấn, cho vay.

+ Khi người dân đến đề nghị vay tiền tại Công ty, các bị cáo tư vấn cho người vay phải thực hiện theo các điều kiện của Công ty đưa ra mới được vay tiền, cụ thể:

- Người vay phải có xe mô tô, xe máy; xe phải do chính người vay đăng ký tên chủ sở hữu và có giấy đăng ký mô tô, xe máy do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kèm theo.

- Phải có 01 trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu ...; tất cả phải bản chính; khi đó, tùy hoàn cảnh từng người vay phải sử dụng các loại giấy tờ trên mà bị cáo chỉ giữ lại 01 trong những giấy gốc đó; 01 bản photô công chứng đưa cho người vay.

- Số tiền vay phải thấp hơn giá trị xe mô tô, xe máy.

- Sau khi có đầy đủ giấy tờ trên, thống nhất số tiền vay, các bị cáo yêu cầu làm hợp đồng bán xe cho Công ty theo mẫu hợp đồng đã được đánh máy sẵn, để thiếu phần thông tin người vay, số tiền vay nên chỉ điền vào là xong; phần đại diện Công ty cho vay, các bị cáo đề tên người nào trực tiếp thực hiện; cụ thể gồm có bị cáo Nguyễn Văn M và Đỗ Tiến S trực tiếp được ký hợp đồng cho vay bằng hình thức hợp đồng bán xe mô tô, xe máy. Khi đó, có một số hợp đồng được đưa đi công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Văn Tường, tại địa chỉ 816, đường H Vương, khu vực 3, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang; Các hợp đồng vay dưới 5.000.000 đồng các bị cáo không đưa ra công chứng, chỉ ký xong lưu lại Công ty; trường hợp bị cáo M, bị cáo S không có mặt tại nơi làm thì hợp đồng vẫn tiến hành làm, người vay vẫn ký vào, sau đó các bị cáo đến Văn phòng Công chứng xác nhận ký vào hợp đồng để hợp thức hóa.

- Sau khi làm hợp đồng mua bán xe mô tô, xe máy thể hiện số tiền vay xong; các bị cáo chuẩn bị sẵn hợp đồng Công ty sẽ cho chính người vay tiền thuê lại xe mô tô, xe máy mà đã ký bán trong hợp đồng mua bán trước đó; hợp đồng do các bị cáo đại diện ký với người vay, không công chứng; thỏa thuận tiền lãi suất phải đóng thông qua tổng số tiền ghi trong hợp đồng bán xe; các bị cáo gọi là tiền thu phí thuê xe, quy định lãi suất cố định cho vay là 4.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày; tương đương với lãi suất 0,4%/01 ngày, 12%/01 tháng và 144%/01 năm, gấp trên 05 lần đến 7,2 lần mức lãi suất theo quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Hoàn thành các loại giấy tờ trên, giao nhận tiền, người vay lấy xe, tiền đi về; các loại giấy tờ người vay không giữ gì;

+ Thu lãi theo kỳ 30 ngày; thu trước 01 kỳ đầu tiên khi giao tiền cho người vay bằng cách trừ thẳng vào tiền vốn vay;

+ Đóng lãi: Định kỳ đóng lãi đến ngay trụ sở Công ty, gặp ai người đó thu; không đến đóng được thì nhân viên Công ty đến thu; hoặc chuyển khoản qua tài khoản của bị cáo M số 107867769721 mở tại Phòng giao dịch B thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hậu Giang, tài khoản của bị cáo S và sau này là tài khoản của bị cáo Đ, số 0741000650442 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Trà Vinh; trường hợp nếu người vay không đóng lãi suất theo đúng quy định thì đến nhà tìm kiếm;

+ Sau khi trả hết số tiền gốc đã vay mới ngưng đóng lãi; Tuy nhiên, có những trường hợp các bị cáo xét thấy người vay mất khả năng trả vốn đã cho người vay trả vốn nhiều lần đến khi hết nợ theo thỏa thuận, không thu lãi.

+ Trường hợp sau khi trả vốn, nếu người vay có nhu cầu hủy hợp đồng bán xe thì cùng đến Văn phòng Công chứng làm thủ tục hủy; nếu người vay không hủy có thể mang về nhà giữ hoặc có thể do các bị cáo giữ; nhưng trường hợp không hủy hợp đồng, khi người vay có nhu cầu vay tiếp lấy hợp đồng cũ ra sử dụng, không phải làm lại phát sinh thêm phí công chứng.

- Về quản lý hoạt động cho vay:

Bị cáo Nguyễn Văn M giao cho bị cáo S thực hiện mọi công việc liên quan đến lập, quản lý, kế toán đều do S làm, nhưng bị cáo M biết hoạt động cho vay đều nhập dữ liệu vào máy tính quản lý, kết thúc ngày làm việc các bị cáo đều báo cáo số lượng hợp đồng và giao nộp tiền cho bị cáo M. Quá trình khám xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ được 01 tập dữ liệu “HẬU GIANG (30ngày)” liên quan đến hoạt động quản lý cho vay của các bị cáo theo dõi quản lý. Qua đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trích xuất toàn bộ dữ liệu có liên quan đến tập “HẬU GIANG(30ngày)”, phân tích làm rõ hoạt động cho vay, số người vay, thời gian vay, lãi suất thu được từ hoạt động cho vay, cụ thể: Trong tập “HẬU GIANG(30ngày)” chạy trên nền excel, có các trang: (1) Trang “2020” là trang quản lý chung hoạt động cho vay từ ngày 01/01/2020 đến ngày 09/8/2020; (2) Trang “GTX” quản lý hợp đồng hiện tại vay tiền còn đang thu lãi tổng hợp từ ngày 04/6/2019, với tổng số 153 người vay, tổng số tiền vay là 1.347.300.000 đồng; (3) Trang “Thanh lý” là trang quản lý các trường hợp vay tiền đã trả lãi, vốn từ tháng 01/11/2018 đến 10/8/2020, với 489 lượt người vay, tổng số tiền vay là 4.708.100.000 đồng; (4) Trang “Gọi Phí GTX” chứa dữ liệu liên quan việc cho vay; (5) Trang “PHÍ THÁNG 2020” là trang quản lý hoạt động thu lãi suất cho vay từ ngày 01/5/2020 đến ngày 10/8/2020, thể hiện người đóng lãi, ngày tháng thu lãi, số tiền thu lãi, người thu lãi; (6) Trang “SỔ HÀNG NGÀY 2020” là trang quản lý toàn bộ hoạt động thu chi hàng ngày từ hoạt động cho vay đến sinh hoạt,

chi phí khác từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/8/2020; (7) Trang “xấu và gốc” là trang quản lý những người vay không trả lãi suất, vốn theo quy định, qua đó các bị cáo tổng hợp đến tháng 5/2020 là 16 người, đến ngày 05/6/2020 là 18 người; (8) Trang “Trang tính14” là trang quản lý việc trả phí thừa, thiếu phí; (9) Trang “Trang tính11” là trang quản lý những trường hợp vay tiền hiện hành còn thu lãi suất đến ngày 10/8/2020, trong đó có 155 người vay, tổng số tiền vay 1.767.000.000 đồng và nợ xấu gồm 12 người.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Bị cáo Nguyễn Văn M:

Vào tháng 10/2017, bị cáo M mang theo 30.000.000đ và thuê bị cáo S cùng đến thành phố B, tỉnh Hậu Giang để mở địa điểm hoạt động cho vay; bị cáo M thuê bị cáo Đỗ Tiến S đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang làm tất cả các thủ tục có liên quan để đăng ký kinh doanh và được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đầu tư Đ. Sau đó bị cáo M cùng bị cáo S thực hiện việc in các tờ giấy hình chữ nhật, giống như card visit có nội dung như đã nêu trên. Sau đó cho nhân viên tiến hành phát tờ rơi tại những nơi thường tập trung nhiều người dân, tuyên giao thông nhằm mục đích lôi kéo người dân có nhu cầu vay sẽ liên hệ với các bị cáo để được tư vấn vay vốn. Trong thời gian hoạt động cho vay, lúc đầu do bị cáo S ký các hợp đồng mua bán xe, cho thuê xe nhằm hợp thức hóa hoạt động cho vay, đến ngày 21/11/2017, bị cáo S ký Giấy ủy quyền cho bị cáo M trong thời hạn 01 năm, với nội dung “Ký kết các hợp đồng, giao dịch với khách hàng (chủ phương tiện xe mô tô, xe máy) để nhận ủy quyền (với nội dung cho thuê, thanh lý hợp đồng cho thuê, bán, hủy hợp đồng bán, được rút và nhận hồ sơ gốc đối với các loại xe mô tô, xe máy), hoặc đại diện cho công ty để thuê, thanh lý các hợp đồng cho thuê, bán, hủy hợp đồng bán, được rút và nhận hồ sơ gốc đối với các loại xe mô tô, xe máy theo các hợp đồng, giao dịch với khách hàng đã được các tổ chức hành nghề công chứng, chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành”; tiếp đó đến ngày 01/01/2019, bị cáo S tiếp tục ký giấy ủy quyền tiếp trong thời hạn 01 năm với cùng nội dung nhằm để bị cáo M trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay; tiến hành xác minh nhân thân, nơi cư trú của những người đến vay tiền. Sau khi hết ủy quyền năm 2019, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/8/2020, tuy không được ủy quyền nhưng bị cáo M vẫn tiếp tục ký các hợp đồng cho vay.

Quá trình hoạt động cho vay, bị cáo M thừa nhận hàng tháng tùy theo số lượng người đến vay nhiều hay ít, từ đó bị cáo M vay tiền của vợ chồng cháu họ tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 và Trần Thị Thu H, sinh năm 1980 cùng đăng ký HKTT: Khu X, phường K, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh; tạm trú tại số 272,

đường Lý Tự Trọng, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền dao động từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng với lãi suất là 01%/01 tháng; khi đó, mọi hoạt động vay, trả lãi suất thông qua tài khoản của bị cáo M số 107867769721 mở tại Phòng giao dịch B thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hậu Giang; với số tài khoản của Trần Thị Thu H 0331000449956 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Sài Gòn; Minh khai nhận việc vay tiền để cho vay lại thì vợ chồng cháu họ Nguyễn Văn P và Trần Thị Thu H không hay biết. Trong thời gian hoạt động cho vay từ ngày 03/10/2017 đến ngày 10/8/2020, bị cáo M thuê nhiều người đến hỗ trợ cho các hoạt động cho vay của mình, tùy theo từng người mà việc thuê với mức lương khác nhau, giao nhiệm vụ khác nhau; quá trình điều tra xác định bị cáo M đã thuê những cá nhân hỗ trợ, giúp sức hoạt động cho vay của mình, cụ thể:

- Bị cáo Đỗ Tiến S, sinh năm 1988; nơi thường trú: tổ Dân Phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo Voòng Thanh H, sinh ngày 07/5/1982; nơi cư trú: số 54/18, đường Lê Lợi, khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo Bùi Quang Đ, sinh ngày 03/11/1997; nơi cư trú: số 02, khu X, phường H, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo Nguyễn Hồng S, sinh ngày 25/11/2000; nơi cư trú: số 07, tổ 22B, khu phố 2, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Võ Tấn Đ1, sinh năm 2000, nơi cư trú: ấp M, xã Đ, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

- Trần Ngọc N, sinh ngày 20/11/1990; nơi cư trú: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Trần Hoàng P, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ 11, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra còn có những người như Đoàn, Tân, Vũ, Hoàng và H chưa rõ nhân thân lai lịch cụ thể.

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ đã được thu thập đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định; Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định có 333 người, đã thực hiện 678 lượt vay, với tổng số tiền vay 6.619.800.000 đồng (sáu tỷ sáu trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng), *(có bảng thống kê chi tiết 333 người vay kèm theo. Bảng 1)*. Qua xác minh, điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ ngày 03/10/2017 đến ngày 10/8/2020, bị cáo M cùng với các bị cáo khác trong vụ án đã thực hiện giao dịch cho 156 người, thực hiện 362 lượt vay với tổng số tiền là 3.439.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm ba mươi chín

triệu không trăm đồng), đã thu tổng số tiền lãi thực tế là 2.203.784.000 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ ba triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng), qua đó đã thu lợi bất chính với số tiền 1.897.702.889 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm lẻ hai nghìn tám trăm tám mươi chín đồng), (có bảng thống kê chi tiết 156 người vay kèm theo. Bảng 2; tham chiếu Bảng 7).

2. Bị cáo Đỗ Tiến S:

Vào tháng 10/2017, bị cáo S được bị cáo M thuê để cùng bị cáo M đến thành phố B, tỉnh Hậu Giang làm địa điểm hoạt động cho vay và thuê bị cáo S đứng tên làm giám đốc công ty nhưng thực chất bị cáo M là chủ và quản lý, điều hành mọi hoạt động công ty.

Về quản lý hoạt động cho vay: Bị cáo Đỗ Tiến S thực hiện trên nền tảng excel và quản lý lưu trữ trên google driver bằng địa chỉ gmail ban đầu có tên “Haugiangngabay@gmail.com”, mật khẩu gmail thay đổi liên tục, khi nào thay đổi mật khẩu thì bị cáo M cho bị cáo S biết, nhập dữ liệu được khoảng 02 tháng đầu thì bị cáo S thấy mật khẩu thay đổi liên tục nên về sau không nhập máy nữa mà chỉ lại cho các nhân viên khác nhập máy tính việc thu, chi hàng ngày từ hoạt động cho vay, đến năm 2019 gmail đổi tên thành “haugiang4.2019@gmail.com” cũng để lưu trữ dữ liệu thu, chi hàng ngày hoạt động cho vay. Đến ngày 21/11/2017 bị cáo S ký Giấy ủy quyền cho bị cáo M ký kết các hợp đồng, giao dịch với khách hàng, tiếp đó đến ngày 01/01/2019, bị cáo S tiếp tục ký giấy ủy quyền tiếp trong thời hạn 01 năm với cùng nội dung nhằm để bị cáo M trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay. Trong thời gian này S trực tiếp tư vấn cho những người đến vay tiền, phát tờ rơi tại các khu đông dân cư, xác minh nhà người vay tiền cụ thể 14 trường hợp; thu lãi suất định kỳ mà người vay đóng, nhắc người vay trả chậm; trực tiếp ký các hợp đồng mua bán xe nếu hợp đồng từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trở lên thì đến văn phòng công chứng, phí công chứng là 120.000 đồng/hồ sơ do người vay trả, hợp đồng dưới 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì lưu tại công ty và không công chứng, ký các hợp đồng cho thuê xe nhằm hợp thức hóa hoạt động cho vay; nhập dữ liệu cho vay vào hệ thống quản lý tại máy tính đặt tại nơi làm việc. Bị cáo S làm việc thường xuyên, liên tục tại công ty Đ từ ngày 03/10/2017 đến ngày 10/3/2020 thì nghỉ, lương mỗi tháng bị cáo M trả tiền công cho bị cáo S là 6.000.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Cơ quan Cảnh sát điều tra có căn cứ xác định bị cáo Đỗ Tiến S đã tham gia hoạt động cho vay từ ngày 03/10/2017 đến ngày 10/3/2020, đã thực hiện việc giao dịch với 143 người, thực hiện 300 lượt vay, với tổng số tiền cho 300 lượt vay 2.901.500.000 đồng (Hai tỷ chín trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng), đã thu lãi trên thực tế với số tiền 1.711.244.000 đồng (Một tỷ bảy trăm mười một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), qua đó đã thu lợi bất chính với số tiền 1.473.569.321 đồng (Một tỷ

bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm hai mươi một đồng), (có bảng danh sách thống kê chi tiết 143 người vay kèm theo. Bảng 3).

3. Bị cáo Voòng Thanh H:

Vào đầu tháng 6/2019, sau khi chấp hành án phạt tù về địa phương chưa có nghề nghiệp, lúc đó bị cáo M, bị cáo S đang điều hành hoạt động cho vay tại địa điểm nhà thuê địa chỉ 56N, đường Lê Lợi, khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang (gần nhà bị cáo H). Bị cáo Minh và S thấy bị cáo H không có nghề nghiệp nên kêu qua làm việc, trả lương như sau, lúc đầu 3.000.000đ/tháng sau đó nâng dần lên 7.000.000 đồng/ tháng. Khi vào làm việc, bị cáo H biết hoạt động của các bị cáo M, bị cáo S tại Công ty là cho vay thông qua hình thức làm các hợp đồng mua bán và cho thuê xe mô tô, xe máy các loại. Trong hoạt động cho vay, bị cáo H được phân công nhiệm vụ là xác minh những người đến vay tiền ghi vào sổ ghi chép để theo dõi, tiến hành thu lãi những người đến vay trả khi gặp trực tiếp bị cáo; nếu người vay điện thoại hẹn địa điểm khác lấy tiền thì đến thu về nộp lại; nhắc nhở những người vay trả lãi chậm theo quy định. Khi thu tất cả những trường hợp trả lãi trong ngày về ghi vào mảnh giấy, giao tiền lại cho bị cáo S, bị cáo M để giữ, theo dõi, quản lý và sau này là bị cáo Đ, bị cáo H không được trực tiếp quản lý tiền.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra có căn cứ xác định bị cáo H đã tham gia hoạt động cho vay cùng với các bị cáo khác trong vụ án từ ngày 10/6/2019 đến ngày 10/8/2020, đã thực hiện việc giao dịch với 135 người thực hiện 266 lượt vay, với tổng số tiền vay 2.392.500.000 đồng (Hai tỷ ba trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), đã thu lãi trên thực tế với số tiền 1.294.536.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng), qua đó đã thu lợi bất chính với tổng số tiền 1.114.821.856 đồng (Một tỷ một trăm mười bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), (có bảng thống kê chi tiết 135 người vay kèm theo. Bảng 4).

4. Bị cáo Bùi Quang Đ:

Vào tháng 6/2020, thông qua mối quan hệ bạn bè, có người quen giới thiệu bị cáo Đ vào gặp bị cáo M để làm việc; đến ngày 24/6/2020, bị cáo Đ đến làm tại Công ty cùng với bị cáo M và bị cáo H, được trả lương với số tiền 6.000.000 đồng/01 tháng. Lúc này bị cáo M là người trực tiếp điều hành hoạt động cho vay tại địa điểm nhà thuê địa chỉ 56N, đường Lê Lợi, khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang, riêng bị cáo S thì bị cáo Đ chỉ biết là người đứng tên làm Giám đốc công ty, không gặp mặt lần nào. Khi vào làm việc, bị cáo Đ biết hoạt động của Công ty là cho vay thông qua hình thức hợp đồng mua bán và cho thuê xe mô tô, xe máy các loại, bị cáo Đ được phân công nhiệm vụ thực hiện việc tư

vấn cho vay khi người vay mang xe máy, xe mô tô và giấy tờ đến làm thủ tục vay tiền; khi bị cáo M ở Công ty thì bị cáo Đ chỉ làm thủ tục nhưng không ký vào các hợp đồng, do bị cáo M ký đại diện cho vay; trong thời gian bị cáo M đi vắng thì bị cáo Đ thực hiện luôn việc làm hợp đồng, xuất vốn cho vay, thanh lý hợp đồng vay nhưng không ký trực tiếp vào hợp đồng, người vay ký, phân đại diện để bị cáo M về ký sau; nhận lãi suất những người vay đến trả khi gặp trực tiếp bị cáo hoặc chuyển vào tài khoản của bị cáo số 0741000650442 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Trà Vinh. Ngoài ra, bị cáo còn trực tiếp nhập số liệu hoạt động cho vay, số liệu thu chi hàng ngày vào quản lý trên gmail: haugiang4.2019@gmail.com lưu trữ dữ liệu trên google driver thao tác trên máy tính của Công ty. Hàng ngày, cuối giờ chiều, bị cáo Đ có nhiệm vụ tổng hợp số liệu người vay, người trả vốn, người đóng lãi suất từ những bị cáo khác rồi nhập vào hệ thống quản lý, theo dõi sau đó báo cáo cho bị cáo M.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Cơ quan Cảnh sát điều tra có căn cứ xác định bị cáo Đ cùng với đồng phạm trong khoảng thời gian từ ngày 24/6/2020 đến ngày 10/8/2020, đã thực hiện giao dịch với 89 người, thực hiện 91 lượt vay, với tổng số tiền vay là 841.500.000 đồng (Tám trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), đã thu lãi thực tế với số tiền 161.160.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu một trăm sáu mươi nghìn không trăm đồng), qua đó đã thu lợi bất chính với số tiền 138.776.649 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng) (*có bảng thống kê chi tiết 89 người vay kèm theo. Bảng 5*).

5. Bị cáo Nguyễn Hồng S:

Thông qua mối quan hệ bạn bè, ngày 15/10/2017, bị cáo S đến thành phố B, tỉnh Hậu Giang liên hệ và được nhận vào làm nhân viên tại Công ty với mức lương từ 5.000.000đ đến năm 2019 là 6.000.000đ/tháng. Khi vào làm, bị cáo S biết hoạt động của bị cáo S, bị cáo M là cho vay; khi đó, bị cáo S làm giám đốc, bị cáo M là người được ủy quyền thực hiện hoạt động cho vay tại địa điểm số 56K, đường Lê Lợi, khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo S biết hoạt động của Công ty là cho vay với hình thức hợp đồng mua bán và cho thuê xe mô tô, xe máy các loại và lãi suất các bị cáo cho vay thực tế là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo S được phân công nhiệm vụ đi rải phát tờ rơi về hoạt động cho vay của công ty, thực hiện việc xác minh nhân thân, nhà của người vay tiền, theo dõi nhắc người vay đóng lãi, nhận lãi suất những người vay đến trả sau đó đưa lại cho bị cáo S, Minh trong ngày, nhập dữ liệu hoạt động cho vay vào hệ thống quản lý trên máy tính, soạn hợp đồng cho khách đến vay tiền, dẫn người vay đến Văn phòng công chứng để công chứng hồ sơ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Hồng S cùng với đồng phạm trong khoảng

thời gian từ ngày 15/10/2017 đến ngày 31/3/2019, đã thực hiện giao dịch với 112 người, thực hiện 155 lượt vay, với tổng số tiền cho vay 1.570.500.000 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng), đã thu lãi thực tế với số tiền 715.220.000 đồng (Bảy trăm mười lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), qua đó đã thu lợi bất chính với tổng số tiền 615.883.809 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn tám trăm linh chín đồng), (có bảng thống kê chi tiết 112 người vay kèm theo. Bảng 6).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Đỗ Tiến S, Voòng Thanh H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Hồng S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201, điều 17, điểm b, i khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án 02 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2020 đến ngày 09/11/2020.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 70.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Tiến S, Voòng Thanh H, Bùi Quang Đ và Nguyễn Hồng S; xử lý tiền thu lợi bất chính; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2022, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại với lý do cấp sơ thẩm có nhiều sai sót nghiêm trọng về tố tụng nội dung và hình thức, có nhiều vấn đề chưa được làm rõ có dấu hiệu oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo M là chủ Công ty Đ là không đúng mà thực chất người tên H và P mới là chủ đứng sau Công ty Đ. Cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần để làm rõ vai trò của người tên H và P nhưng không được chấp nhận. Nếu tách người tên H và P ra xử lý sau thì sẽ ảnh hưởng đến việc xử lý số tiền thu lợi bất chính trong khi bản án sơ thẩm đã quy kết trách nhiệm nộp tiền thu lợi bất chính cho bị cáo M. Quá trình điều tra có những sai lầm nghiêm trọng về mặt tố tụng, về đánh giá chứng cứ, về nội dung của các chứng cứ. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ

luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người trực tiếp quản lý và điều hành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đầu tư Đ và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ vai trò đồng phạm của Trần Thị Thu H và Nguyễn Văn P.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo không có kháng cáo là Đỗ Tiến S, Võòng Thanh H, Bùi Quang Đ và Nguyễn Hồng S đều thừa nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã cùng nhau thực hiện theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã kết luận. Lời khai của các bị cáo Đỗ Tiến S, Võòng Thanh H, Bùi Quang Đ và Nguyễn Hồng S phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn M trong quá trình điều tra cũng thừa nhận hành vi phạm tội và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị hướng dẫn, ép buộc.

Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn M trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo khác là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các tài liệu, vật chứng, dữ liệu điện tử thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến ngày 10/8/2020, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đầu tư Đ, địa chỉ số 56N, đường Lê Lợi, khu vực 1, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang, các bị cáo Nguyễn Văn M, Đỗ Tiến S, Võòng Thanh H, Bùi Quang Đ và Nguyễn Hồng S đã cho 156 người vay tiền, với 362 giao dịch, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương với 0,004%/ngày, 12%/tháng, 144%/năm), số tiền gốc cho vay là 3.439.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi thực tế là 2.203.784.000 đồng, qua đó đã thu lợi bất chính với số tiền 1.897.702.889 đồng.

Như vậy, với hành vi trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 1.897.702.889 đồng, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn M, Đỗ Tiến S, Voòng Thanh H, Bùi Quang Đ và Nguyễn Hồng S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về các lý do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo thể hiện trong đơn kháng cáo và các đơn kiến nghị, khiếu nại của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về vai trò của Trần Thị Thu H và Nguyễn Văn P: Quá trình điều tra, bị cáo M khai nhận về vai trò của H và P không thống nhất. Có khi bị cáo khai P và H góp vốn với tỷ lệ 70% vào Công ty Đ; có khi bị cáo khai bị cáo vay tiền của P và H để có nguồn tiền cho vay lại và việc vay tiền để cho vay lại thì P và H không hay biết. Ngoài lời khai mâu thuẫn của bị cáo M thì không có chứng cứ khác để chứng minh vai trò đồng phạm của H và P trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Voòng Thanh H cũng khẳng định bị cáo M là người quản lý, điều hành Công ty Đ và ngoài bị cáo M thì bị cáo H không biết ai khác tham gia quản lý, điều hành Công ty Đ. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân thành phố B đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ vai trò của H và P trong vụ án nhưng Cơ quan điều tra không chứng minh được. Vì vậy, cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P và H và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra, làm rõ P và H có góp vốn vào Công ty Đ hay không, nếu có đủ chứng cứ thì khởi tố vụ án theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về việc thành lập và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đầu tư Đ:

Mặc dù Công ty Đ do Đỗ Tiến S thành lập và đứng tên người đại diện theo pháp luật trên Giấy đăng ký kinh doanh, nhưng từ khi thành lập Công ty Đ bị cáo S đã ủy quyền cho bị cáo M ký các hợp đồng mua, bán, cho thuê để hợp thức hóa hoạt động cho vay lãi nặng theo từng năm, đến đầu năm 2020 mặc dù bị cáo S không ký ủy quyền và sau đó nghỉ việc vào tháng 3 năm 2020 nhưng bị cáo M vẫn tiếp tục ký các hồ sơ. Bị cáo Minh không thừa nhận bị cáo là người quản lý và điều hành Công ty Đ, nhưng hành vi của bị cáo ký duyệt các hồ sơ, hàng tháng trả lương cho các bị cáo còn lại và nhận tiền thu được từ hoạt động cho vay do các bị cáo khác nộp đã chứng minh bị cáo chính là người thực tế quản lý và điều hành hoạt động của Công ty Đ.

Bị cáo Minh cho rằng Công ty Đ chỉ hoạt động kinh doanh mua, bán, cho thuê xe. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (là những người vay tiền của Công ty Đ) đều thống nhất thừa nhận là tất cả những người này đều vay tiền của Công ty Đ bằng hình thức thế chấp giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân (hoặc hộ khẩu). Các bị cáo S, H, Đ, S cũng thừa nhận thực chất hoạt động của Công ty Đ là hoạt động cho vay chứ không phải hoạt động kinh doanh mua, bán, cho thuê xe. Lời khai của các bị cáo S, H, Đ, S và những người vay tiền phù hợp với chứng cứ là các tờ rơi có nội dung “*CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG ĐTLH: 02936.517.417 - 0964.317.417 ĐC: 56K Lê Lợi, P. B. Thị xã. B, T. Hậu Giang CHO VAY XE CHÍNH CHỦ (Chỉ giữ lại giấy đăng ký xe, khách hàng vẫn có xe sử dụng) CHO VAY 80% GIÁ TRỊ XE Thủ tục nhanh chóng, lãi suất thấp*”, mặt sau in bản đồ chỉ đường Công ty Đ. Từ đó có đủ căn cứ để chứng minh hoạt động cho vay tiền của Công ty Đ do bị cáo Nguyễn Văn M là người trực tiếp quản lý và điều hành.

Quan điểm của người bào chữa cho rằng Công ty Đ hoạt động kinh doanh giống như mô hình công ty cho thuê tài chính hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, mặc dù Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đầu tư Đ được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng đối với tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phải tuân thủ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, Công ty Đ hoàn toàn không thỏa mãn được các điều kiện và quy định này.

- Về thẩm quyền điều tra, truy tố: Tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số: 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:**1. Về kháng cáo:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 17; điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 8 năm 2020 đến ngày 09 tháng 11 năm 2020.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

3. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M nộp sung quỹ nhà nước số tiền vốn cho vay 2.091.500.000 đồng, số tiền có được từ hoạt động cho vay dưới 20%/ năm nhưng bất hợp pháp 306.081.356 đồng. Đối với những người vay chưa trả tiền vay gốc buộc người vay phải nộp sung quỹ nhà nước với tổng số tiền 904.000.000đ, và khoản tiền lãi >20% là 1.897.702.889 đồng mà người vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Cụ thể:

1. Bùi Thị Kim Hoa: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 15.358.776 đồng.

2. Hồ Thị Thanh H: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 10.333.332 đồng.

3. Huỳnh Văn Vững: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 38.233.328 đồng.

4. Nguyễn Hoàn Cơ: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.649.999 đồng.

5. Nguyễn Thành Tính: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.066.666 đồng.

6. Nguyễn Thị Chính: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.050.001 đồng.

7. Phạm Ngọc Sinh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 14.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.651.221 đồng.

8. Phạm Văn Út: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 14.604.443 đồng.

9. Trần Văn Tấn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.399.998 đồng.

10. Trương Văn Chúc nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.816.665 đồng.

11. Võ Văn Đủ: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 16.416.000 đồng.

12. Phạm Văn Huệ: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.299.999 đồng.

13. Nguyễn Thị Bé: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 18.599.998 đồng.

14. Cao Ngọc Trọng: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.454.777 đồng.

15. Châu Bích Kiều: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 13.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 10.746.665 đồng.

16. Châu Mỹ Chánh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.579.999 đồng.

17. Đặng P Vinh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 8.929.721 đồng.

18. Đỗ Thái Anh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.443.333 đồng.

19. Lê Minh Cần: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.665.110 đồng.

20. Lê Quang Len: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.337.998 đồng.

21. Lê văn Út: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.296.665 đồng.

22. Nguyễn Thanh An: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 8.462.999 đồng.

23. Nguyễn Thanh H: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.009.333 đồng.

24. Nguyễn Thanh Phong: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 454.667 đồng.

25. Nguyễn Thanh Tùng: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 606.222 đồng.

26. Nguyễn Thị Hồng Thu: Nộp sung quỹ 2.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.839.997 đồng.

27. Nguyễn Thị Thùy Trang: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 28.933.330 đồng.

28. Nguyễn Tú Linh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.816.665 đồng.

29. Võ Thị Mười: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.187.222 đồng.

30. Bùi Văn Tất: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.894.444 đồng.

31. Huỳnh Thị Hên: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.217.722 đồng.

32. Huỳnh Thúy An: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.269.999 đồng

33. Huỳnh yên Nhi: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 27.899.996 đồng.

34. Lê Đình Hòa: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.133.333 đồng.

35. Nguyễn Thị Bạch Yến: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 17.170.553 đồng.

36. Nguyễn Văn Thái: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 13.019.998 đồng.

37. Phạm Hoàng Sang: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.265.554 đồng.

38. Trần Minh Hoàng: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.736.664 đồng.

39. Trần Nhật Trường: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.975.221 đồng.

40. Trần Quang Vinh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 9.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.893.333 đồng.

41. Trần Thanh Liêm: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.107.221 đồng.

42. Trịnh Hữu Thương Em: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.240.000 đồng.

43. Võ Văn Minh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 930.000 đồng.

44. Yên Trần Kỳ Linh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.667.222 đồng.

45. Lương Châu Duy: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 10.333.332 đồng.

46. Lương Thanh Phương: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.372.221 đồng.

47. Nguyễn Hoài Tâm: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 13.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 8.301.110 đồng.

48. Nguyễn Hồng Thanh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.935.888 đồng.

49. Nguyễn Lâm Ngọc: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 18.599.998 đồng.

50. Nguyễn Thị Tuyết Hoa: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 18.599.998 đồng.

51. Nguyễn Văn Hào: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.002.444 đồng.

52. Nguyễn Văn Tuấn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 28.881.663 đồng.

53. Phạm Dương Sanh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.299.999 đồng.

54. Phan Thị Chuối: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.033.333 đồng.

55. Phạm Thị Thanh Tú: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.579.999 đồng.

56. Lê Tấn Đức: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 430.556 đồng.

57. Lê Trung Hậu: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 37.819.995 đồng.

58. Lý Út Em: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.171.111 đồng.

59. Huỳnh Văn Út Nhỏ: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.548.889 đồng.

60. Lê Thanh Thảo: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.513.333 đồng.

61. Nguyễn Văn Thôn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 25.488.886 đồng.

62. Trần Thị Mỹ Lan: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.199.999 đồng.

63. Lê Thành Trung: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.696.221 đồng.

64. Nguyễn Chí Trung: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.166.666 đồng.

65. Huỳnh Văn Một: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 25.833.330 đồng.

66. Nguyễn Minh Mẫn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 7.749.999 đồng.

67. Nguyễn Văn H: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.296.665 đồng.

68. Nguyễn Phi Lol: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 413.333 đồng.

69. Huỳnh Thị Nguyên: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 12.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 14.673.331 đồng.

70. Nguyễn Văn Rớt: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.296.665 đồng.

71. Võ Thị Càn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.299.999 đồng.

72. Châu Thành Thiện: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.201.110 đồng.

73. Châu Thị Cẩm Tú: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 69.336.658 đồng.

74. Hồ Văn Cảnh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.687.778 đồng.

75. Nguyễn Hoàng Luân: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.514.444 đồng.

76. Nguyễn Thị Út Nhỏ: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 17.015.553 đồng.

77. Phan Trường Vũ: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.756.666 đồng.

78. Trần Thanh Ngoan: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.272.222 đồng.

79. Trần Thị Thúy: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 248.000 đồng.

80. Lâm Văn Đặng: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.959.999 đồng.

81. Nguyễn Văn Kiên: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 7.500.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 826.667 đồng.

82. Phan Văn Khánh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.282.666 đồng.

83. Nguyễn Thanh Xuân: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.633.331 đồng.

84. Nguyễn Thị Nhiên: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 66.184.991 đồng.

85. Trần Ngọc Sáng: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.399.998 đồng.

86. Lê Thanh Đoàn: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.513.333 đồng.

87. Lê Thị Thu Xương: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 7.181.666 đồng.

88. Nguyễn Hoàng Lam: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 11.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 27.279.996 đồng.

89. Phạm Văn Lực: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.306.666 đồng.

90. Võ Văn Sinh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.583.333 đồng.

91. Lê Văn Đa: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 14.466.665 đồng

92. Nguyễn Ngọc Yến: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 52.906.660 đồng.

93. Nguyễn Phú Cường: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 14.363.331 đồng.

94. Nguyễn Hoài Phong: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 26.332.774 đồng.

95. Nguyễn Vũ Trường: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 10.436.665 đồng.

96. Phạm Văn Hậu: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.168.331 đồng.

97. Đoàn Văn Truyền: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 18.134.998 đồng.

98. Hồ Thị Cẩm Thúy: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.354.999 đồng.

99. Hồ Thị Huỳnh Trang: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.255.000 đồng.

100. Hồ Thị Thu Trang: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 15.706.665 đồng.

101. Huỳnh P Lộc: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 8.266.666 đồng.

102. Huỳnh Thanh S: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 564.889 đồng.

103. Huỳnh Thị Thanh Xuân: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 7.705.221 đồng.

104. Huỳnh Văn Lâm: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 8.783.332 đồng.

105. Huỳnh Văn Tôn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.100.000 đồng.

106. La Thị Diễm: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.025.333 đồng.

107. Lê Thị Kim Oanh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 35.133.329 đồng.

108. Lê Thị Thanh Hằng: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 9.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 22.319.997 đồng.

109. Mã Thị Út Ba: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 11.366.665 đồng.

110. Ngô Thị Ân: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.716.666 đồng.

111. Nguyễn Thị Hồng Phấn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 12.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.480.000 đồng.

112. Nguyễn H Tài: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.248.332 đồng.

113. Nguyễn Thanh Phú: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 52.699.993 đồng.

114. Nguyễn Thị Hận: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 9.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 18.599.998 đồng.

115. Nguyễn Thị Loan Anh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.822.775 đồng.

116. Nguyễn Thị Mỹ Châu: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.633.331 đồng.

117. Nguyễn Thị Thắm: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.406.666 đồng.

118. Nguyễn Văn Bé: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 14.724.998 đồng.

119. Nguyễn Văn Hiệp: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 13.433.332 đồng.

120. Nguyễn Văn Hoàng: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 6.503.110 đồng.

121. Phạm Hữu Phúc: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 33.066.662 đồng.

122. Phan Chiến Công: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.857.220 đồng.

123. Thạch Thị Bé: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.474.333 đồng.

124. Thạch Thị Thu Sương: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.640.220 đồng.

125. Thạch Sà Quanh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 23.422.219 đồng.

126. Trần Bảo Quốc: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 19.633.331 đồng.

127. Trần Thị Minh Châu: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 72.333.324 đồng.

128. Trần Văn Thắng: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.641.109 đồng.

129. Trần Văn Thông: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 16.223.331 đồng.

130. Trần Văn Y: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 18.083.334 đồng.

131. Võ Thị Hoàng: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 52.355.549 đồng.

132. Huỳnh Minh Cảnh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.616.666 đồng.

133. Nguyễn Mười Hai: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.480.000 đồng.

134. Phan Trân Trinh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.078.222 đồng.

135. Trương Thị Hồng Gấm: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.993.333 đồng.

136. Trương Thị Thúy An: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.082.777 đồng.

137. Chiêm Thành Long: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 13.571.109 đồng.

138. Nguyễn Thị Bạch Tuyết: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 12.317.332 đồng.

139. Trần Duy Tân: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 5.424.999 đồng.

140. Nguyễn Phú Dư: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.029.999 đồng.

141. Nguyễn Quốc Anh: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.550.000 đồng.

142. Cao Thị Cẩm Loan: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 17.566.664 đồng.

143. Châu Văn Dương: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.857.777 đồng.

144. Dương Thị Bé Ánh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.033.333 đồng.

145. Đào Điền Em: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 9.093.332 đồng.

146. Đoàn Văn Liêm: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 8.783.332 đồng.

147. Lâm Văn Ngưng: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 241.111 đồng.

148. Lê Hoàng Ước: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 964.444 đồng.

149. Lê Văn Khương: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.033.333 đồng.

150. Lê Văn Nhanh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 24.799.997 đồng.

151. Trần Văn Việt: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 3.788.888 đồng.

152. Dương Văn Bui: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền vay 15.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 10.419.443 đồng.

153. Nguyễn Thị Kiều Oanh: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 4.481.222 đồng.

154. Nguyễn Văn Nguyên: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 16.533.331 đồng.

155. Nguyễn Thị Kim Phụng: Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 1.240.000 đồng.

156. Nguyễn Đình Toàn: Nộp sung quỹ nhà nước số tiền 12.000.000 đồng. Bị cáo trả lại cho người vay số tiền 2.480.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn M được khấu trừ số tiền số tiền 310.000.000 đồng (trong đó bị cáo M nộp 200.000.000 đồng; bị cáo Đ tự nguyện nộp 100.000.000 đồng và bị cáo S nộp 10.000.000 đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007958 và số 0006982 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Về các vấn đề khác:

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06);
- TAND, VKSND, CQĐT,
Chi cục THADS thành phố B;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

(Đã ký)

Phạm Hoàng Lâm